

Phụ lục 1

LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành Quy chế tuyển sinh	Bộ GDĐT	Sở GDĐT, trường	Trước ngày 15/5
2.	Các trường nhận tài khoản để báo cáo đề án tuyển sinh của trường	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 25/5
3.	Tập huấn Quy chế tuyển sinh	Vụ GDĐH	Cục QLCL, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các trường	Dự kiến Trước ngày 30/5
4.	Các trường gửi Đề án tuyển sinh của trường về Bộ ngay sau khi trường công bố Đề án trên cổng thông tin điện tử của trường	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 31/5
5.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Các đối tượng dự thi THPT	Dự kiến theo lịch đăng ký dự thi kì thi tốt nghiệp THPT khoảng từ 15/6 đến 30/6
6.	Các trường tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Từ 15/7 đến 25/7
7.	Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về sở GDĐT	Thí sinh	Sở GDĐT	Trước ngày 20/7
8.	Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường	Sở GDĐT	Trường	Trước ngày 1/8
9.	Các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh	Trường	Thí sinh Sở GDĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 20/8

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
10.	Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường	Thí sinh	Trường	Trước ngày 5/9
11.	Các trường báo cáo kết quả xét tuyển thẳng	Trường	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 10/9
12.	Các trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có)	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 30/8 đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do trường quy định
13.	Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên , khối ngành sức khỏe	Vụ GDĐH	Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Cục Nhà giáo và QLCBGD, Các trường	Dự kiến trước ngày 7/9
14.	Các trường điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường	Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước ngày 8/9
15.	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 16/9
16.	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 18/9
17.	Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu)	Thí sinh	Điểm thu nhận hồ sơ	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 20/9
18.	Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Thí sinh	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 21/9

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
19.	Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh	Trường	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX	Dự kiến từ 24/9 đến 17 giờ 00 ngày 26/9
20.	Các trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1	Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 27/9
21.	Thí sinh xác nhận nhập học đợt 1	Thí sinh Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 3/10 (tính theo dấu bưu điện)
22.	Các trường cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 7/10
23.	Các trường xét tuyển bổ sung (các trường chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung trước 15 ngày so với ngày xét tuyển)	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL Vụ GDTH	Dự kiến từ ngày 8/10
24.	Các trường xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL	Từ tháng 8 đến 12/2020
25.	Các trường báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020	Trường	Vụ GDĐH	Trước ngày 28/2/2021

Phụ lục 2.

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN (gồm 2 mẫu phiếu)**

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 1
(Nơi tiếp nhận lưu)

SỐ PHIẾU:

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Số báo danh (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

5. Số điện thoại (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. Địa chỉ Email:

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

7. Đề nghị điều chỉnh **Khu vực ưu tiên** **Đối tượng ưu tiên**
chế độ ưu tiên: **tuyển sinh:** **tuyển sinh:**

8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
...					
...					

Tổng số nguyện vọng:

....., ngày tháng năm 201..

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

SỐ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 2
(Thí sinh lưu)

SỐ PHIẾU:

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Số báo danh (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

5. Số điện thoại (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. Địa chỉ Email:

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

7. Đề nghị điều chỉnh

Khu vực ưu tiên

Đối tượng ưu tiên

chế độ ưu tiên:

tuyển sinh:

tuyển sinh:

8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Tổng số nguyện vọng:

NOI NHẬN PHIẾU
(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 201
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH
NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).

2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng.

3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (*trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống*).

4. Bảng "**Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh**":

Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "Nội dung thay đổi" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0** tại cột (6) cùng hàng;

- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;

- Những thay đổi khác thì ghi **TD** tại cột 6 cùng hàng.

Ví dụ:

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi (**bảng cũ**)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/ Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển
1	BVH	7480201	Công nghệ thông tin	A00
2	QHI	7480201	Công nghệ thông tin	A00
3	BKA	7480201	Công nghệ thông tin	A00
4	VHD	7480201	Công nghệ thông tin	A00

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (**bảng mới**)

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/ Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1	QHI	7480201	Công nghệ thông tin	A00	2
2	BKA	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A01	TD
3	KHA	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	TD
4	VHD	7480201	Công nghệ thông tin	A00	0
.....					

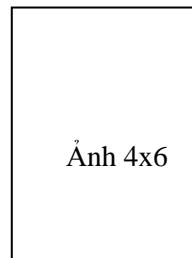
Trong ví dụ trên:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** (*số thứ tự NV ưu tiên cũ*) vào cột 6, hàng 1;
- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TD** vào cột 6, hàng 2;
- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

Phụ lục 3
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020
(Kèm theo Công văn số:1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
 (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)
ngày *tháng* *năm*

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT

7. Năm đoạt giải:.....

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2020 môn:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng .. năm 2020

Chữ ký của thí sinh

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường.....

Ngày tháng năm 2020

Chữ ký của thí sinh

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5
PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO
ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

--	--	--	--	--	--

ngày tháng năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

--	--	--	--	--	--	--	--

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

6. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

7. Năm đoạt giải:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo Công văn số:1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	7140209
		Toán học (*)	7460101
		Toán ứng dụng (*)	7460112
		Toán cơ (*)	7460115
		Thống kê	7460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	7140211
		Vật lí học (*)	7440102
		Thiên văn học	7440101
		Vật lí kỹ thuật (*)	7520401
		Vật lý nguyên tử và hạt nhân (*)	7440106
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	7140212
		Hóa học (*)	7440112
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	7510401
		Công nghệ thực phẩm	7540101
		Kỹ thuật Hóa học (*)	7520301
		Dược học	7720201
		Khoa học môi trường	7440301
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	7140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215
		Sinh học (*)	7420101
		Công nghệ sinh học (*)	7420201
		Kỹ thuật sinh học (*)	7420202
		Sinh học ứng dụng (*)	7420203
		Y khoa	7720101
		Y học cổ truyền	7720115
		Răng-Hàm-Mặt	7720501
		Y học dự phòng	7720110
		Điều dưỡng	7720301
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601
		Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602
		Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603
		Y tế công cộng	7720701
		Dinh dưỡng	7720401
		Kỹ thuật phục hình răng	7720502
		Khoa học môi trường	7440301
		Khoa học cây trồng	7620110
Chăn nuôi	7620105		

		Lâm học	7620201
		Lâm nghiệp đô thị	7620202
		Lâm sinh	7620205
		Quản lý tài nguyên rừng	7620211
		Nuôi trồng thủy sản	7620301
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	7140217
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101
		Sáng tác văn học (*)	7220110
		Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112
		Việt Nam học	7310630
		Văn học (*)	7229030
		Văn hóa học	7229040
		Báo chí (*)	7320101
		Ngôn ngữ học (*)	7229020
		Thông tin - thư viện	7320201
		Quản lý thông tin	7320205
		6	Lịch sử
Lịch sử (*)	7229010		
Bảo tàng học	7320305		
Nhân học	7310302		
Lưu trữ học	7320303		
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	7140219
		Địa lí học (*)	7310501
		Bản đồ học	7440212
		Địa chất học	7440201
		Địa lý tự nhiên kỹ thuật (*)	7440217
		Thủy văn học	7440224
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Hải dương học	7440228
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	7140210
		Khoa học máy tính (*)	7480101
		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (*)	7480102
		Kỹ thuật phần mềm (*)	7480103
		Hệ thống thông tin (*)	7480104
		Công nghệ thông tin (*)	7480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	7480108
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	7140231
		Ngôn ngữ Anh (*)	7220201
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020
10	Tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga (*)	7140232
		Ngôn ngữ Nga (*)	7220202
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020

11	Tiếng Trung Quốc	Su phạm tiếng Trung Quốc (*)	7140234
		Trung Quốc học (*)	7310612
		Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	7220204
		Hán nôm	7220104
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020
12	Tiếng Pháp	Su phạm Tiếng Pháp (*)	7140233
		Ngôn ngữ Pháp (*)	7220203
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 7

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2020
VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020**

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thăng		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn A		X		BKA		Toán học	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 20..

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thăng		Năm đoạt giải	Lĩnh vực đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn X.		X		BKA		Khoa học môi trường	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020 (30a)

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thặng		Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương			Học lực			Ghi chú
							Ký hiệu trường	Mã ngành	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Trần Thị T.		X			XDA								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 10

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số:1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký ưu tiên xét tuyển		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
01	Nguyễn Văn X.	X			BKA		Toán	HC vàng	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11

CÁC VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN KHU VỰC

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc:

- Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;
- Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 tỉnh Ninh Bình;
- Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 về việc thay thế nội dung các xã, thôn có tên tương ứng trong QĐ số 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013;
- Quyết định 73/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBDT;
- Quyết định số 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015
- Quyết định 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 177/QĐ-UBDT ngày 19/04/2016 phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

2. Các văn bản của Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013;
- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định;
- Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;
- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn;
 - Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng;
 - Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng;
 - Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;
 - Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.
 - Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.
 - Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2019 về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình;
 - Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.
 - Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.
 - Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.
- Và các văn bản khác nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.